

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ VỀ THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT
NÔNG NGHIỆP DO BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH BAN HÀNH***Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;**Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 10 tháng 7 năm 1993;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;**Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, Mục của Thông tư số 89-TC/TCT ngày 09 tháng 11 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 74/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục II như sau:

“1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp thực hiện khai thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế.

a) Diện tích tính thuế của từng thửa ruộng, đất là diện tích thực tế sử dụng kê bờ xung quanh ruộng phục vụ trực tiếp cho sản xuất của thửa ruộng, đất, không tính phần bờ dùng cho giao thông nội đồng hoặc dùng chung cho từ một cánh đồng trở lên.

b) Trong quá trình xác định diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, Đội Thuế phải cùng Hội đồng tư vấn thuế xã, phường xem xét cụ thể từng trường hợp, nếu thấy tờ khai chưa chính xác thì

phải đề nghị chủ hộ kê khai lại và phải tổ chức kiểm tra điển hình để xác định đúng diện tích đất chịu thuế của những hộ kê khai chưa chính xác”.

2. Sửa đổi, bổ sung Mục III như sau:

“III. LẬP SỔ THUẾ VÀ TỔ CHỨC XÉT DUYỆT SỔ THUẾ

1. Lập sổ thuế

Nguyên tắc là đất đăng ký sở địa chính ở địa phương nào thì lập sổ thuế ở địa phương đó theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 74/CP.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 74/CP việc lập sổ thuế tiến hành như sau:

- Đội Thuế tổng hợp kết quả tiếp thu ý kiến nhân dân và từng hộ nộp thuế ngay sau khi hết thời hạn niêm yết và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã. Nếu có ý kiến trái ngược lớn về diện tích hoặc hạng đất tính thuế, thì phải kiểm tra xác định lại, sau đó tiến hành lập sổ thuế theo từng thôn, tổ dân phố theo mẫu của Bộ Tài chính.

- Hội đồng tư vấn thuế xã, phường giúp Ủy ban nhân dân cấp xã kết hợp với Đội Thuế kiểm tra, xác định các căn cứ tính thuế của từng hộ nộp thuế, đảm bảo phù hợp với tờ khai của hộ và kết quả phân hạng đất tính thuế. Những trường hợp sau khi niêm yết, hộ nộp thuế chưa thống nhất với Hội đồng tư vấn thuế xã, phường và Đội Thuế về căn cứ tính thuế, mà Hội đồng tư vấn thuế xã, phường và Đội Thuế không giải quyết được thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để có ý kiến bằng văn bản cho hộ nộp thuế, trên cơ sở đó tiếp tục lập và hoàn thiện sổ thuế.

- Trường hợp tăng, giảm hộ nộp thuế thì Đội Thuế điều chỉnh sổ thuế.

2. Tổ chức xét duyệt sổ thuế

Sau khi lập xong sổ thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký xác nhận, gửi Đội Thuế. Đội Thuế cùng Hội đồng tư vấn thuế xã, phường tổ chức duyệt: diện tích tính thuế, hạng đất tính thuế cho từng xã.

Trên cơ sở sổ thuế do các xã đã lập và ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, Đội Thuế hoàn chỉnh tổng hợp kết quả duyệt sổ thuế báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong văn bản này gọi chung là cấp tỉnh) và Chi cục Thuế khu vực.

Chi cục Thuế khu vực kiểm tra, xét duyệt sổ thuế của các xã có sự tham gia của các ngành liên quan (Hội đồng tư vấn). Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định chỉ đạo lập lại sổ thuế.

Cục Thuế có trách nhiệm thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp của các địa phương”.

3. Sửa đổi, bổ sung Mục IV như sau:

“IV. TỔ CHỨC THU NỘP THUẾ

1. Căn cứ số thuế được duyệt: căn cứ vào mùa vụ và khả năng thu hoạch, thực tế giá cả và yêu cầu lương thực (nếu có). Chi cục Thuế khu vực trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các vấn đề theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 74/CP.

2. Thu, nộp thuế thực hiện theo quy định pháp luật quản lý thuế”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 4 Mục V như sau:

“4. Trình tự việc xem xét và tổng hợp đề nghị giảm, miễn thuế ở các cấp như sau:

a) Căn cứ vào thực tế thiệt hại, biên bản xác nhận đánh giá khi thiên tai, địch hoạ, sâu bệnh... xảy ra và biên bản thăm đồng; căn cứ vào thực tế đời sống các đối tượng chính sách thuộc diện được xét giảm, miễn thuế; Đội Thuế và Hội đồng tư vấn thuế xã, phường giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị xin giảm miễn thuế của xã, lập danh sách các hộ về diện tích, mức độ (năng suất thiệt hại, mức thuế xin giảm, miễn do thiên tai, các hộ xin giảm, miễn thuế thuộc đối tượng chính sách xã hội theo mẫu đính kèm Thông tư này niêm yết trong thời hạn 20 ngày. Đội Thuế tiếp thu ý kiến của nhân dân, hoàn chỉnh, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã duyệt danh sách và mức đề nghị giảm, miễn thuế báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chi cục Thuế khu vực.

b) Căn cứ vào:

- Biên bản xác định phạm vi và mức độ thiệt hại xảy ra thiên tai;
- Báo cáo thống kê tình hình năng suất sản lượng các loại cây trồng kết quả thăm đồng, đánh giá sản lượng thu hoạch thực tế của diện tích thiệt hại;
- Biên bản xét duyệt của các xã;
- Đơn đề nghị xin giảm, miễn thuế của hộ nộp thuế;
- Căn cứ vào đời sống của các hộ thuộc đối tượng chính sách.

Đội Thuế dự kiến đề nghị xin giảm, miễn thuế của các xã và các hộ nộp thuế đưa ra Hội đồng tư vấn thuế xã, phường xem xét có sự tham gia của các ngành liên quan, trên cơ sở đó, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chi cục Thuế khu vực.

c) Chi cục Thuế khu vực kiểm tra và duyệt giảm, miễn thuế cho các xã có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường (các ngành liên quan) trên cơ sở đó đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Khi kiểm tra Chi cục Thuế khu vực phải:

- Đối chiếu giữa biên bản xác định diện tích bị thiên tai làm thiệt hại với diện tích thực tế bị thiệt hại, mức độ thiệt hại và biên bản đánh giá sản lượng thực tế thu hoạch, so sánh giữa các xã trong tỉnh, so sánh với các vụ trước;

- Xác định đúng sản lượng của năm sản xuất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 74/CP;
- Khi xem xét giảm miễn thuế cho các đối tượng chính sách xã hội phải có xác nhận của ngành nội vụ; đồng thời phải chú ý xem xét đời sống thực tế ở địa phương và giữa các xã trong tỉnh, thành phố”.

5. Bãi bỏ điểm 5 và điểm 6 của Mục V, Mục VI và Mục VII.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục VIII như sau:

“2. Theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 74/CP: Hàng năm, Cục Thuế được trích số tiền bằng 4,5% trên số thuế sử dụng đất nông nghiệp thu được đảm bảo kinh phí cho Đội Thuế thực hiện việc thu thuế ở xã, phường và hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường. Khoản kinh phí này do ngân sách trung ương chi, Bộ Tài chính cấp theo kế hoạch từng tháng, quý cho Cục Thuế như các khoản kinh phí khác, cuối năm thanh quyết toán số thuế thực thu”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 82-TC/TCT ngày 07 tháng 10 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 84/CP ngày 08 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế bổ sung đối với hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I như sau:

“1. Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

- Các tỉnh Đồng Nai, An Giang, Tây Ninh, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long, Thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh không quá 3 ha.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác không quá 2 ha”.

2. Bãi bỏ Mục III và Mục IV.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 60-TC/TCT ngày 14 tháng 7 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung việc giảm thuế, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã, phường” tại điểm b khoản 2 Mục I.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Thuế” bằng cụm từ “Cục Thuế” và thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực” tại điểm b, điểm c khoản 3 Mục I và khoản 2 Mục II.

3. Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực”, thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”, thay thế cụm từ “Hội đồng tư vấn thuế” bằng cụm từ “Hội đồng tư vấn thuế xã, phường” tại điểm 1, điểm 2 Mục III.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 21-TC/TCT ngày 18 tháng 3 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn sử dụng đất nông nghiệp.
3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viễn dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
5. Trường hợp trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước mà tên gọi của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại Thông tư này có sự thay đổi thì thực hiện theo tên gọi mới của cơ quan, tổ chức được tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng.
6. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp xử lý./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục CST (125 b)

Cao Anh Tuấn